

Bản án số: 250/2022/HS-ST
Ngày 28 - 11 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Kền và ông Nguyễn Đăng Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Hà, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quang Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 226/2022/TLST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 240/2022/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Đặng Quang T; sinh ngày 15 tháng 11 năm 2002, tại thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú: tổ 8, khu 6, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: lớp 8/12; con ông Đặng Trí D và bà Cao Thị M; vợ con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: 1) Ngày 17/07/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 09 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, 2) Ngày 18/9/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 15 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù của cả 02 bản án vào ngày 28/01/2022; bị tạm giữ từ ngày 31/7/2022; tạm giam từ ngày 06/8/2022; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

2. Nguyễn Văn V; sinh ngày 24 tháng 5 năm 1994, tại thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú: tổ 1, khu 8, phường Việt Hưng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: lớp 8/12; con ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị V; vợ con: chưa có; tiền án: Ngày 27/10/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 14/4/2022; tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 31/7/2022; tạm giam từ ngày 06/8/2022; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

3. Hoàng Văn K; sinh ngày 12 tháng 9 năm 1993, tại thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú: tổ 1, khu 8, phường Việt Hưng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: lớp 8/12; con ông Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị N; vợ con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 31/7/2022; tạm giam từ ngày 06/8/2022; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

* *Bị hại:* Anh Phùn Xuân C; sinh ngày 19 tháng 5 năm 2001; nơi thường trú: thôn Thanh Hải, xã Hải Lạng, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện tại: số nhà 487 đường Cái Dăm, tổ 7, khu 9A, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Quốc H; sinh ngày 11 tháng 6 năm 1996; nơi thường trú: tổ 41, khu Đông Tiến, phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện tại: tổ 1, khu 10, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 30/7/2022, Đặng Quang T rủ Hoàng Văn K và Nguyễn Văn V đi chơi ở khu vực đường bao biển thuộc phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. V điều khiển xe mô tô Yamaha Sirius màu đỏ đen, gắn biển kiểm soát 14P5-4638 chở K ngồi giữa, Tiến ngồi sau đi từ ngã ba Ba Lan đến đường bao biển Bãi Cháy. Trên đường đi, Tiến rủ K và V xem có chiếc xe mô tô nào sơ hở, không có người trông coi sẽ lấy trộm, K và V đồng ý. Khoảng 01 giờ 15 phút cùng ngày, T, V và K đi đến đường Võ Nguyên Giáp thuộc khu 5, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long thì nhìn thấy xe mô tô Honda Wave, màu xanh - đen, biển kiểm soát 14N1-161.74 của anh Phùn Xuân C dựng trên vỉa hè không có người trông coi. T nói với K và V “*Kia có xe không có người*”. K đến định lấy xe thì xe khóa cổ nên bảo T vào để phá khóa cổ xe. T đến đứng bên phải xe mô tô biển kiểm soát 14N1-161.74 rồi dùng tay phải giữ phần đầu xe, tay trái giữ phần đuôi xe và dùng chân phải đạp mạnh 03 lần vào tay cầm bên phải thì phá được khóa cổ của xe. Khi T phá khóa cổ xe thì K và V ngồi trên xe Yamaha Sirius cách vị trí của T khoảng 05m để cảnh giới. Sau khi phá được khóa cổ xe xong, Tiến đi ra, K đi đến dắt chiếc xe trên xuống đường rồi ngồi lên xe. T điều khiển xe Yamaha Sirius chở V ngồi sau, T dùng chân phải đạp vào phần đế chân bên trái của xe Honda Wave vừa trộm cắp được để đẩy K điều khiển đi. Cả 3 đến khu vực đường thuộc tổ 5B, khu 5, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long thì dừng lại sát vỉa hè. T dùng đèn trên điện thoại di động để chiếu sáng cho K tháo giắc cắm ổ khóa xe ra. Sau khi tháo xong, K đấu điện ổ khóa với dây nối ác quy của xe, Tiến đề thử thì nổ được máy xe. Sau đó, T và K đi chiếc xe Honda Wave vừa trộm cắp

được, V đi chiếc xe Yamaha Sirius đến phòng trọ của Nguyễn Quốc H thuộc tổ 1, khu 10, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long để bán. Khi đến phòng trọ của anh H, K mang xe mô tô vào để bán còn V và T đứng ngoài chờ. Khi K vào trong phòng trọ gặp anh H nói là xe của K muốn bán, xe bị mất giấy tờ, mất chìa khóa. Anh H xem xe và đồng ý mua với giá 4.200.000đ (bốn triệu hai trăm nghìn đồng). Số tiền bán xe T, V và K đi đổ xăng và ăn đêm hết 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng), số tiền còn lại 3.600.000đ (ba triệu sáu trăm nghìn đồng) chia nhau mỗi người được 1.200.000đ (một triệu, hai trăm nghìn đồng). Khoảng 15 giờ cùng ngày, anh H mang chiếc xe mô tô trên đi sửa chữa thì bị Công an thành phố Hạ Long phát hiện đưa về trụ sở làm việc. Tại trụ sở, anh Hùng mới biết chiếc xe mô tô trên do K trộm cắp nên anh H đã tự nguyện nộp lại cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hạ Long.

Ngày 26/9/2022, Cơ quan điều tra đã trả cho anh Phùn Xuân C chiếc xe bị trộm cắp nêu trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 137 ngày 31/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Hạ Long kết luận: giá trị của xe mô tô Honda Wave màu xanh đen bạc, số máy JA39E2494408, số khung RLHJA3921MY469483, gắn biển kiểm soát 14N1-161.74 là 18.150.000đ (mười tám triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung trên. Các bị cáo khai: Tiến là người khởi xướng việc trộm cắp và là người trực tiếp phá khóa xe, K là người trực tiếp bán xe, V là người đứng ngoài cảnh giới cho T và K lấy xe. Sau khi bị phát giác, K tự nguyện giao nộp lại số tiền 1.200.000 đồng, T tự nguyện nộp lại số tiền 500.000 đồng. Các bị cáo thừa nhận việc truy tố các bị cáo về tội danh và khung hình phạt theo Cáo trạng là đúng người, đúng tội, không oan, sai, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Giai đoạn điều tra, bị hại - anh Phùn Xuân C khai: Sau khi phát hiện chiếc xe của mình bị mất, anh đã trình báo với Cơ quan Công an. Đến nay, anh đã được nhận lại xe và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường.

Giai đoạn điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - anh Nguyễn Quốc H khai: Anh có mua xe mô tô trên nhưng không biết là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có, vì K nói chiếc xe là của mình bị mất giấy tờ và chìa khóa. Anh yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả cho anh số tiền 4.200.000 đồng anh đã mua xe.

Tại bản Cáo trạng số: 227/CT-VKSHL ngày 24 tháng 10 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố các bị cáo Đặng Quang T, Nguyễn Văn V và Hoàng Văn K về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đặng Quang T từ 18 (mười tám) tháng đến 21 (hai

mười một) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt (ngày 31/7/2022).

- Áp dụng: khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt (ngày 31/7/2022).

- Áp dụng: khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng Văn K từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt (ngày 31/7/2022).

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Tịch thu, tiêu hủy chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia Model 1174 màu đen đã thu giữ của bị cáo Tiến.

- Buộc các bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Quốc H tổng số tiền 4.200.000 đồng, chia đều cho các bị cáo, mỗi bị cáo phải bồi thường 1.400.000 đồng. Bị cáo T đã nộp lại số tiền 500.000 đồng, bị cáo T còn phải bồi thường cho anh H số tiền 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng). Bị cáo K đã nộp lại 1.200.000 đồng, bị cáo K còn phải trả cho anh H số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hạ Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội phạm:

[2.1] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về thời gian, địa điểm, phương thức, thủ đoạn thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo, phù hợp với vật chứng là tài sản trộm cắp bị thu giữ, bản Kết luận định giá tài sản, cùng những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 01 giờ 15 ngày

30/7/2022, tại đường Võ Nguyên Giáp thuộc khu 5, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Đặng Quang T, Nguyễn Văn V và Hoàng Văn K lợi dụng sơ hở không có người trông coi tài sản, đã trộm cắp 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 14N1-161.74 trị giá 18.150.000đ (mười tám triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) của anh Phùn Xuân C, rồi mang bán cho anh Nguyễn Quốc H được 4.200.000 đồng để chi tiêu cá nhân.

[2.2] Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định: *“Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”*... Khoản 1 Điều 17 của Bộ luật hình sự quy định: *“Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm”*...

[2.3] Các bị cáo là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa truy tố các bị cáo là có cơ sở pháp luật.

[2.4] Hành vi phạm tội của các bị cáo xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự, trị an ở địa phương. Chỉ do háms lợi, lười lao động, biết trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn cố ý phạm tội. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm minh.

[2.5] Xét tính chất của đồng phạm và vai trò phạm tội của các bị cáo trong vụ án thấy: Các bị cáo cùng cố ý thực hiện một tội phạm, nhưng không có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ với nhau từ trước mà chỉ nhất thời phạm tội nên không phải là phạm tội có tổ chức, mà chỉ là đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo T là người khởi xướng, rủ 02 bị cáo V và K đi trộm cắp, trực tiếp phát hiện và phá khóa xe. Bị cáo V tiếp nhận ý chí, đứng canh giới và cùng T và K mang xe đi bán. Bị cáo K là người thực hành tích cực, trực tiếp lấy trộm xe, đấu dây điện để nổ máy và trực tiếp bán cho người khác lấy tiền. Do đó, bị cáo T giữ vai trò cao nhất, sau đó đến các bị cáo V và K.

[2.6] Bị cáo Tiến đã 02 lần bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng và nghiêm trọng khi chưa đủ 18 tuổi nên được coi là không có án tích theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 107 của Bộ luật hình sự, nhưng có nhân thân rất xấu. Bị cáo Vĩnh đã 01 lần bị kết án về tội phạm nghiêm trọng khi đã trên 18 tuổi, nên phạm tội lần này phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là *“tái phạm”* theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 53 của Bộ luật hình sự.

[2.7] Sau khi phạm tội, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo Kỷ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước.

[3] Về hình phạt:

[3.1] Đối với hình phạt chính: Căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, sau khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò của các bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy: 02 bị cáo Tiến và Vịnh có nhân thân xấu, đã từng bị kết án lại phạm tội. Mặc dù tài sản bị trộm cắp đã được Cơ quan điều tra thu giữ trả lại cho bị hại, nhưng các bị cáo đều không tự nguyện hoàn trả tiền, khắc phục hậu quả do mình gây ra, nên cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định, tương xứng với tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo, không những nhằm trừng trị mà còn để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho gia đình, phòng ngừa chung cho xã hội, đáp ứng được mục đích của hình phạt.

[3.2] Đối với hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự thì các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Nhưng xét thấy các bị cáo là lao động tự do, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, không có tài sản riêng, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Anh Nguyễn Quốc H đã mua chiếc xe do bị cáo Kỷ bán, nhưng không biết tài sản này do các bị cáo trộm cắp mà có, nên không đủ cơ sở xử lý trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Quốc H đã bỏ tiền ra mua chiếc xe bị trộm cắp và yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả lại số tiền 4.200.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu này là có cơ sở chấp nhận và buộc các bị cáo phải hoàn trả lại cho anh H số tiền này.

[6] Về vật chứng của vụ án: Tài sản bị trộm cắp và những vật chứng khác Cơ quan điều tra đã xử lý, Hội đồng xét xử không giải quyết. Số tiền 1.700.000 đồng 02 bị cáo K và T giao nộp là khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội, nhưng xét thấy đây là khoản tiền xuất phát từ quan hệ dân sự mua - bán tài sản giữa các bị cáo và anh Nguyễn Quốc H, nên trả lại cho anh H mà không truy thu nộp ngân sách Nhà nước. Chiếc điện thoại Nokia màu đen T dùng để chiếu sáng cho K đầu điện xe trộm cắp là công cụ phạm tội, hiện không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo bản án: Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Đặng Quang T 18 (mười tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt (ngày 31 tháng 7 năm 2022).

2. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 18 (mười tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt (ngày 31 tháng 7 năm 2022).

3. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173, các điểm i và s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Hoàng Văn K 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt (ngày 31 tháng 7 năm 2022).

4. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 351, 353, 357 và 580 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

Buộc các bị cáo Đặng Quang T, Nguyễn Văn V và Hoàng Văn K phải hoàn trả lại cho anh Nguyễn Quốc H tổng số tiền 4.200.000 đồng. Chia theo phần, mỗi bị cáo phải hoàn trả cho anh H 1.400.000 đồng. Bị cáo T đã nộp lại số tiền 500.000 đồng, bị cáo T còn phải trả cho anh H số tiền 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng). Bị cáo K đã nộp lại 1.200.000 đồng, bị cáo K còn phải trả cho anh H số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày anh Nguyễn Quốc H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu các bị cáo Đặng Quang T, Nguyễn Văn V và Hoàng Văn K chậm trả tiền thì các bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm trả, tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Căn cứ vào: khoản 1, các điểm a và c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021): Tịch thu và tiêu hủy 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia Model 1174 màu đen, tình trạng theo Biên bản giao vật chứng số: 42/BB-THA ngày 24 tháng 11 năm 2022 giữa Công an thành phố Hạ Long và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

6. Căn cứ vào: các khoản 1 và 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021); các điểm a và b khoản 1 Điều 3, các điểm a và c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Đặng Quang T,

Nguyễn Văn V và Hoàng Văn K, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

7. Căn cứ vào: các khoản 1 và 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021): Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các bị cáo; Bị hại; Người CQL,NVLQ;
- VKSND TP. Hạ Long;
- VKSND T. Quảng Ninh;
- CQĐT - Công an TP. Hạ Long;
- CQTHAHS - Công an TP. Hạ Long;
- CCTHADS TP. Hạ Long;
- Trại giam Quảng Ninh;
- TAND T. Quảng Ninh;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ; Lưu TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Lâm